

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02/5/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Giáp Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Chính

Ông Nguyễn Xuân Chung

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXX-ST ngày 01 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-DS ngày 16/4/2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Vi Thị T**, sinh năm 1988 (Đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: **Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.**

Bị đơn: Anh **Lý Văn Đ**, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: **Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ghi ngày 20/12/2023, biên bản lấy lời khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án chị **Vi Thị T** là nguyên đơn trình bày:*

Chị với anh **Lý Văn Đ** đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện L** ngày 02/12/2008, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu. Sau đó chị và anh **Đ** về chung sống với nhau. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do anh **Đ** chơi bời cờ bạc, không quan tâm đến gia đình, không hòa hợp nên không có tiếng nói chung. Chị và anh **Đ** thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, không cùng quan điểm sống. Vì điều

kiện khó khăn, chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2013 đến khoảng giữa tháng 12/2023 về hãn Việt Nam để sinh sống. Do không còn tình cảm vợ chồng nên trong thời gian khoảng 10 năm chị đi xuất khẩu lao động thì vợ chồng không liên lạc gì, không quan tâm gì đến nhau. Đến nay vợ chồng chị chấm dứt hoàn toàn mọi quan hệ về tình cảm và kinh tế. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ.

Chị và anh Đ có 02 con chung: Cháu Lý Văn Q, sinh ngày 26/9/2009 và cháu Lý Thị T1, sinh ngày 11/6/2012. Cháu Q đang học lớp 9, cháu T1 học lớp 6, trường THCS T5 số 2. Hiện tại chị đang làm việc tại địa phương, thu nhập khoảng 8 triệu đồng/01 tháng, thỏa thuận miệng, không ký hợp đồng lao động. Hai cháu hiện đang ở với chị, để thuận tiện cho việc chăm sóc, đảm bảo việc nuôi dưỡng, phát triển của cháu Q và cháu T1, khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai cháu Q và T1.

Về tài sản chung, công nợ chung, cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Lý Văn Đ:

Anh Lý Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, đã được Tòa án thông báo, tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến, quan điểm và chứng cứ cung cấp, giao nộp cho Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tại phiên tòa, anh Đ vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, anh Đ không chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273, điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vi Thị T được ly hôn anh Lý Văn Đ.

Về con chung: Giao cho chị Vi Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cháu Lý Văn Q, sinh ngày 26/9/2009 và cháu Lý Thị T1, sinh ngày 11/6/2012.

Cấp dưỡng nuôi con chị **T** không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị **Vi Thị T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị **Vi Thị T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị **Vi Thị T** có đơn đề nghị giải quyết về ly hôn và con chung với anh **Lý Văn Đ** nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn là anh **Lý Văn Đ** có địa chỉ cư trú tại **huyện L, tỉnh Bắc Giang**. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị **Vi Thị T** là nguyên đơn trong vụ án, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Anh **Lý Văn Đ** là bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh **Đ** không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến, quan điểm và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS, hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Vi Thị T** kết hôn với anh **Lý Văn Đ** trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện**

L, tỉnh Bắc Giang ngày 02 tháng 12 năm 2008, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn chị T trình bày do anh Đ chơi bời cờ bạc, không quan tâm đến gia đình, anh chị hay xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh Đ không thường xuyên ở nhà, không quan tâm chăm lo đến gia đình. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Giữa chị và anh Đ không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Tòa án đã tiến hành các buổi hòa giải nhưng anh Đ và chị T đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Vì vậy xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh Đ có 02 con chung Lý Văn Q, sinh ngày 26/9/2009 và cháu Lý Thị T1, sinh ngày 11/6/2012. Hiện cháu Q đang học lớp 9, cháu T1 học lớp 6, trường THCS T5 số 2. Hai con hiện đang ở với chị, đề thuận tiện cho việc chăm sóc, đảm bảo việc nuôi dưỡng, phát triển của cháu Q và cháu T1, khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai cháu Q và T1.

Xét thấy yêu cầu, nguyện vọng của nguyên đơn là chính đáng nên cần giao cho chị T được trực tiếp nuôi con. Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Xét thấy là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn anh Đ được quyền thăm nom con chung, chị T không được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Vi Thị T là người dân tộc Nùng, sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc trường hợp được miễn án phí theo Điều 12 Nghị quyết 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm đ khoản 1 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Vi Thị T** được ly hôn anh **Lý Văn Đ**.

2. Về con chung: Giao cho chị **Vi Thị T** nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con **Lý Văn Q**, sinh ngày 26/9/2009 và cháu **Lý Thị T1**, sinh ngày 11/6/2012. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Sau khi ly hôn anh **Lý Văn Đ** được quyền thăm nom con chung, chị **Vi Thị T** không được cản trở anh **Lý Văn Đ** thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị **Vi Thị T**.

4. Về quyền kháng cáo: Chị **Vi Thị T**, anh **Lý Văn Đ** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã Tam Dị;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giáp Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Chung Nguyễn Tiến Chinh

Giáp Thị Loan

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ... giờ... phút, ngày 18 tháng 02 năm 2022.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến C, ông Nguyễn Hữu T2.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 359/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”, giữa:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị C1, sinh năm 1994 (có mặt).

Bị đơn: Anh Đỗ Tuấn N, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng

tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho chị **Ngô Thị C1** được ly hôn anh **Đỗ Tuấn N.**

2. Về con chung: Giao cho chị **C1** nuôi con **Đỗ Thị Minh L1**, sinh ngày 03/01/2013. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Sau khi ly hôn anh **N** được quyền thăm nom con chung, chị **C1** không được cản trở anh **N** thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị **Ngô Thị C1** phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam ngày 10/11/2021 theo biên lai thu số 0013380 xác nhận chị **C1** đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi ... giờ ... phút, ngày 18 tháng 02 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Thái Nguyễn Tiến Chính

Nguyễn Thị Lự

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ... giờ... phút, ngày 16 tháng 10 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Tạ Thị Thu T3**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu T2 và ông Nguyễn Xuân C2.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 351/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”, giữa:

Nguyên đơn: Anh Văn Hóa T4, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Lưu Thị D, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Văn Hóa T4 và chị Lưu Thị D

2. Về án phí: Anh T4 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003366 ngày 03/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi ... giờ ... phút, ngày 16 tháng 10 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Nguyễn Hữu Thái Nguyễn Xuân
Chung**

Tạ Thị Thu Thủy